

Bản án số: 432/2020/DS-PT

Ngày: 18/11/2020

*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và
tài sản gắn liền với đất, yêu cầu hủy
di chúc*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Mạnh Cẩm Yên**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Viết Văn**

Ông **Trương Chí Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: bà **Ngô Phương Liên** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 306/2020/DSPT ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc “*tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy di chúc*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 415/2020/QĐXX-PT ngày 15 tháng 9 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 529/2020/QĐHPT-PT ngày 29 tháng 9 năm 2020, thông báo mở lại phiên tòa số 515/2020/TB-TA ngày 30 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn M U**, Sinh năm 1950

Địa chỉ: Phố C, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Hoàng Đ L**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Căn hộ 38A, tập thể Khu Nam công ty Thiết bị Vật tư Nông Sản, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Nguyễn M K**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn T H G, sinh năm 1988

2. Cháu Nguyễn Th P, sinh năm 2012

3. Cháu Nguyễn K M, sinh năm 2015

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội.

Anh K và chị Giang là đại diện theo pháp luật cho cháu Phương và Minh

5. Bà Nguyễn T O, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 11, ngách 367/75 phố Cửu Việt, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

6. Ông Nguyễn V B, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số 15, ngách 367/75 phố Cửu Việt, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

7. Bà Lê T L, sinh năm 1958

Địa chỉ: Xóm Duyên Hòa, thôn Duyên Thọ, xã Giao Nhân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

8. Anh Vũ X H, sinh năm 1999

Địa chỉ: Xóm Duyên Hòa, thôn Duyên Thọ, xã Giao Nhân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

9. Anh Vũ C M, sinh năm 2001

Địa chỉ: Xóm Duyên Hòa, thôn Duyên Thọ, xã Giao Nhân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

10. Anh Vũ V Q, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn Tiến Lợi, xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

11. Chị Vũ T P, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Tiến Lợi, xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

12. Chị Nguyễn T L, Sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn Vàng 1, xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

13. Anh Nguyễn V V, Sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 7, xã Hải Long, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh

14. Bà Phạm T V, sinh năm 1963

Địa chỉ số: 18, ngách 85, đường 2 Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội.

15. Chị Nguyễn M T, sinh năm 1986

Địa chỉ số: 18, ngách 85, đường 2 Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội.

16. UBND thị trấn T, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá Hoán – Chủ tịch UBND thị trấn Trâu Quỳ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Khánh - Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Trâu Quỳ.

Người kháng cáo: ông Nguyễn M U – Nguyên đơn, anh Nguyễn M K – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn M U là nguyên đơn trình bày:

Bố của ông là cụ Nguyễn Mậu Thính (chết năm 1975) và mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Còm (chết năm 1954).

Sau khi mẹ ông là cụ Còm mất, bố ông lấy cụ Giá và đưa ông lên đó ở cùng cụ Giá và các con riêng của cụ Giá trên đất bố cụ Giá để lại cho bố ông diện tích khoảng hơn 1000m² trong đó có hai cái ao ở hai đầu. Ông ở cùng với bố đến năm 1968 đi bộ đội đến năm 1996 về phục viên và ở cùng với cụ Giá.

Năm 1987 cụ Giá có lập văn bản chia đất thổ cư làm 4 phần gồm cụ Giá và ông Dị một phần, ông, ông Khanh và ông Bắc mỗi người một phần nhưng không ghi diện tích cụ thể. Việc chia đất cụ Giá có lập thành văn bản và có xác nhận của chính quyền địa phương lúc bấy giờ. Đến năm 1995 cụ Giá lại lập Biên bản chia đất cho các con trong gia đình, việc chia đất có lập thành văn bản và có nhờ chính quyền địa phương, cán bộ địa chính xuống đo đạc, xác định vị trí và có kẻ vẽ sơ đồ cụ thể cho từng người sử dụng. Cụ thể chia cho ông, ông Khanh mỗi người 229m², ông Bắc 243m² và phần ao của Giá là 229m².

Ông được chia phần đất có nhà cấp 4 của cụ Giá xây trước đây, phần đất ông được chia có vị trí giáp với phần đất ao thuộc quyền sử dụng của cụ Giá, sau đó một thời gian ông không nhớ năm nào cụ Giá đứng ra bán phần ao này có vị trí giáp mặt đường và phía sau giáp nhà ông Quý. Sau khi chia xong anh em vẫn sử dụng chung chưa xây dựng tường bao có khuôn viên cụ thể. Phần nhà đất chia cho ông lúc đó cụ Giá vẫn sử dụng vì khi đó ông chưa được xuất ngũ còn phần của ông Bắc và ông Khanh thì vợ chồng các ông sử dụng. Đến năm 1996 thì ông được ra quân về và ở cùng cụ Giá tại diện tích nhà đất được chia. Năm 1997 thì ông xây ranh giới đất giữa ông với ông Khanh.

Năm 2003 thực hiện chủ trương của nhà nước anh em trong gia đình kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đúng như biên bản chia đất cho các con trong gia đình của cụ Giá đã lập năm 1995. Phần ao của cụ Giá sử dụng thì cụ cho bà Oánh sau đó bà Oánh đã làm sổ đỏ và sử dụng cho đến bây giờ.

Đối với diện tích đất đang tranh chấp ông xác định không phải là đất của cụ Giá để lại mà đây là diện tích đất kẹt trước đây là ao của công, xung quanh các nhà khác không sử dụng vì không có đường đi vào chỉ có phần đất của ông sát với phần ao đó và ông đã san lấp tôn tạo từ năm 1996, sau khi lấp ao ông sử dụng trồng rau và chăn nuôi lợn. Diện tích đất sau khi san lấp khoảng 50m².

Năm 2004 ông Khanh là bố đẻ anh K chết anh K sang ở cùng với ông và cụ Giá. Năm 2008 gia đình ông có xây một căn nhà 3 tầng hơn 60m² nằm trên phần diện tích đất kẹt được tôn tạo, trong đó có lẫn sang phần diện tích đất 229m² của ông đã được cấp sổ đỏ khoảng hơn 10m², phần nhà còn lại nằm hoàn toàn trên diện tích đất đã khai hoang phục hóa. Khi gia đình ông xây dựng nhà không ai thắc mắc khiếu kiện gì, chính quyền địa phương cũng không có văn bản nhắc nhở, ngăn cản gì. Đến năm 2012 anh K lấy vợ sau đó xảy ra tranh chấp, từ đó đến nay vợ chồng anh K sử dụng toàn bộ ngôi nhà. Để đi vào phần diện tích nhà này ông đã phải giành một phần diện tích đất khoảng hơn 40m² nằm trong phần diện tích 229m² của ông đã được cấp sổ đỏ để làm lối đi nếu không sẽ không thể sử dụng được.

Khi ông xây nhà mặc dù anh K đang ở cùng với ông nhưng toàn bộ tiền xây nhà là của ông, anh K không có đóng góp gì.

Nguyên nhân xảy ra tranh chấp là do anh K không cho ông sử dụng nhà đất của ông, mặt khác do anh K nói cụ Giá có di chúc để lại diện tích đất đang tranh chấp cho anh K. Ông khẳng định bố ông và cụ Giá chết không để lại di chúc. Di chúc mà anh K đưa ra không phải là ý nguyện của cụ Giá vì diện tích đất đang tranh chấp không phải của cụ Giá nên cụ Giá không có quyền định đoạt. Trong các văn bản chia đất của cụ Giá năm 1987 và 1995 bà Giá không hề nhắc đến diện tích đất này, nếu có thì cũng đã chuyển nhượng cho bà Tâm luôn chứ không thể bớt lại một phần đất mà không có lối vào.

Bản di chúc lập ra khi cụ Giá đã ở trong tình trạng tinh thần không minh mẫn, sức khỏe suy yếu, cụ Giá viết di chúc này khi bị lừa dối, cưỡng ép.. cả gia đình đều biết cụ Giá đọc thông viết thạo, vì vậy cụ Giá điểm chỉ trong bản di chúc là điều không có căn cứ, tại phần điểm chỉ cũng không nêu rõ là ngón tay nào, nay cụ Giá đã chết, không có căn cứ gì để xác nhận những ngón tay điểm chỉ kia là của cụ Giá.

Phản UBND thị trấn Trâu Quỳnh xác nhận rằng chữ ký của ông tổ trưởng dân phố Cừu Việt là đúng, UBND thị trấn Trâu Quỳnh đóng dấu xác nhận chữ ký của ông tổ trưởng dân phố Cừu Việt là ngày 9/01/2006, tức là sau khi di chúc lập ra 7 ngày thì đến ngày 11/01/2006 thì cụ Giá chết. Như vậy việc xác nhận này không cùng với thời điểm lập di chúc và UBND thị trấn Trâu Quỳnh cũng chỉ đóng dấu mà không có tên chức danh dưới con dấu. Như vậy bản di chúc này cũng không đúng về mặt hình thức.

Những người có mặt làm chứng tại di chúc phải là những người không có quan hệ huyết thống, họ hàng nhưng 2 người con của cụ Giá là bà Nguyễn T O và ông Nguyễn V B đã tự ký tên vào văn bản di chúc này thể hiện tính không khách quan của những người làm chứng.

Ông Nguyễn Bá Trình và bà Đỗ Thị Thanh là 2 em họ của bà Giá lại là người làm chứng trong di chúc thể hiện sự thiếu khách quan.

Những người làm chứng không hề có số chứng minh thư nhân dân, địa chỉ cụ thể.

Bản di chúc này không ghi rõ thời gian, địa điểm lập di chúc là tại đâu.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ngày 15/8/2018 ông có lời khai đề nghị anh K phải bồi thường thiệt hại kinh tế của gia đình ông là tiền mất thu nhập do không cho thuê được phòng trọ từ năm 2015 cho đến nay với tổng số tiền là 216.000.000 đồng. Nay do không có chứng cứ để chứng minh nên ông xin rút lại toàn bộ yêu cầu này đề nghị Tòa không xem xét khi giải quyết vụ án.

Cụ thể, ông yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy bản di chúc của cụ Nguyễn Thị Giá ngày 02/01/2006
- Trả lại ông diện tích đất 53,9 m² và ngôi nhà nằm trên đất hiện gia đình anh K đã chiếm dụng trái phép của ông từ ngày 07/7/2015 cho đến nay.

Ngoài ra ông U không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn M K trình bày:

Ông nội của anh là ông Nguyễn Mậu Thính (mất 1975). Ông Thính có hai vợ, bà cả Nguyễn Thị Còm chết năm nào anh không nhớ. Ông Thính và bà Còm có một người con chung là ông Nguyễn M U. Bà Còm có con riêng hay không anh không biết vì anh không thấy ai về nhận anh em họ hàng. Sau khi bà Còm chết ông Thính lấy bà nội anh là bà Nguyễn Thị Giá. Ông Thính, bà Giá sinh được 02 con là bà Nguyễn T O sinh năm 1959 và ông Nguyễn Mậu Khanh sinh năm 1962 (là bố đẻ anh). Bố anh lấy là bà Nguyễn Thị Vượng và sinh được một mình anh không ai có con riêng hay con nuôi. Ông Khanh chết năm 2004, sau khi bố anh chết thì mẹ anh lấy người khác. Bà Giá trước khi lấy ông Thính đã có 03 con riêng là ông Nguyễn Văn Dịu; bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Nguyễn V B. Ông Dịu chết năm 2013 có hai vợ bà cả là Lan còn họ tên đầy đủ anh không rõ và sinh được 04 người con 02 trai và hai gái. Vợ hai của ông Dịu là bà Lê T L, ông Dịu và bà Luyến có hai con là Nguyễn Văn Hiền và Nguyễn Văn Minh. Bà Nguyễn Thị Tuyết cũng đã mất năm 1974 không chồng con.

Về nguồn gốc đất anh được nghe ông Lâm là em ruột của bà Giá nói lại là của bà nội anh bố mẹ cho. Anh chỉ biết khi sinh ra và lớn lên ở cùng với bà Giá tại đó. Việc chia đất của bà Giá như thế nào anh cũng không rõ vì khi đó anh còn rất nhỏ, sau này lớn nên thì anh chỉ biết nhà đất của bà Giá đã được bà nội chuyển nhượng một phần đất ao cho bà Tâm còn lại bà Giá chia cho bà Oánh, ông Bắc, ông U và bố anh mỗi người một phần và hiện nay đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như diện tích cụ Giá đã chia. Khi chi cụ Giá có bớt lại một phần phía sau phần đất ao đã chuyển nhượng cho bà Tâm khoảng 60m² là phần diện tích đất đang tranh chấp và sử dụng để trồng rau. Ông U được bà Giá chia cho diện tích đất giáp với phần đất tranh chấp này. Phần diện tích đất này không có lối đi ra ngoài mà từ trước vẫn có

một lối đi phía sau nhà trên diện tích đất bà Giá chia cho ông U. Phần lối đi này nằm trong diện tích đất ông U đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh sinh ra và lớn lên ở cùng với cụ Giá, sau khi cụ Giá chia đất cho các con thì anh ở cùng cụ Giá và ông U trên phần nhà đất cụ Giá chia cho ông U. Việc chia nhà đất của bà Giá cho các con anh không có ý kiến gì.

Việc cụ Giá lập di chúc để lại đất cho anh như thế nào anh không rõ chỉ biết khoảng 2 ngày trước khi chết cụ Giá có đưa cho anh bản di chúc như hiện nay. Anh khẳng định cụ Giá chỉ lập 01 bản di chúc duy nhất là hiện nay bản di chúc này anh đang quản lý và chính là bản ông U yêu cầu hủy. Anh không biết việc bà Giá lập di chúc khi đó có những ai, ai là người làm chứng trong di chúc vì anh không chứng kiến.

Năm 2008 anh và ông U bàn nhau xây nhà. Tiền xây nhà là của hai bác cháu chi phí xây hết khoảng hơn 500.000.000 đồng. Anh đưa trực tiếp cho ông U khoảng 14.000.000 đồng tiền mặt nhưng anh còn có công sức làm nền, trát tường.. và trả tiền nguyên vật liệu xây dựng với số tiền là 21.184.000 đồng theo đúng như hóa đơn vợ anh đã nộp cho Tòa án. Ngoài ra anh còn nhiều công sức đóng góp khác nhưng không có tài liệu gì để chứng minh. Việc đưa tiền cho ông U anh không có chứng cứ gì. Sau khi xây nhà xong thì ông U và anh chuyển nên đó ở mỗi người một phòng số còn lại là cho thuê, nhà cấp 4 của bà nội nằm trên phần đất đã cho ông U cũng cho thuê. Toàn bộ tiền thuê nhà ông U quản lý hết.

Nay xảy ra tranh chấp, trước yêu cầu của bác Uyên anh không đồng ý vì diện tích đất này bà Giá đã di chúc cho anh là của anh. Đối với phần nhà xây dựng trên đất anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị giải quyết cho anh có lối đi để đi vào phần đất của anh. Anh thừa nhận trong di chúc bà nội anh chỉ nói có 30m² nhưng anh khẳng định là khoảng 60m² vì khi đó bà Giá chỉ ước chừng không đo đạc cụ thể.

Anh đề nghị được ở lại nhà, anh sẽ thanh toán trả tiền nhà cho ông U. Diện tích ngõ đi hiện nay nằm trong sổ đỏ là của ông U, nhưng hiện nay các phía không còn lối ra, anh đề nghị Tòa án xem xét cho anh đường đi, được đi cùng ngõ với ông U, chi phí bồi thường hết bao nhiêu anh xin chịu thanh toán cho ông U theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh K không có yêu cầu gì khác.

****Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:***

- Ông Nguyễn Văn Khánh đại diện cho Ủy ban nhân dân thị trấn Trâu Quỳ trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thửa đất đang có tranh chấp:

Nguồn gốc thửa đất thổ cư của gia đình cụ Nguyễn Thị Giá sử dụng ổn định, liên tục từ trước năm 1980 (không có giấy tờ). Trong quá trình sử dụng đất, gia đình cụ Giá đã họp gia đình và phân chia quyền sử dụng đất cho các con.

Hiện tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trâu Quỳ còn lưu trữ được Bản đồ lập năm 1973, bản đồ 1985-1986 và sổ lập kèm thể hiện gồm.

Theo bản đồ đo vẽ năm 1973, thửa 82, diện tích 1.182 m²

Theo bản đồ thổ cư lập năm 1985-1986 gồm 04 thửa: Thửa số 82a, diện tích 257m² đăng ký tên Nguyễn Thị Giá; Thửa số 82b, diện tích 339m² đăng ký tên Nguyễn Văn Khánh, Thửa số 82a, diện tích 455m² đăng ký tên Nguyễn Văn Yên; Thửa số 82b, diện tích 163m² đăng ký tên Nguyễn V B và một phần thửa 76b.

Theo bản đồ thổ cư lập năm 1993- 1994 thửa 47, tờ 23, diện tích 1.247 m².

Phần diện tích đất đang có tranh chấp hiện nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có bản di chúc của cụ Nguyễn Thị Giá cho cháu là Nguyễn M K. Vì vậy Ủy ban nhân dân thị trấn Trâu Quỳ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn gồm bà Nguyễn T O và ông Nguyễn V B thống nhất trình bày:

Về quan hệ huyết thống các đương sự thống nhất trình bày như nguyên đơn, bị đơn trình bày.

Về nguồn gốc đất: bố mẹ cụ Giá cho cụ Giá đất năm nào ông bà không rõ chỉ biết là cho trước khi lấy cụ Thính, cho năm nào bao nhiêu mét vuông chỉ biết là 4 sào và trên đất có 02 ao ở hai đầu. Đến 1975 cụ Thính chết, cụ Giá tiếp tục quản lý sử dụng nhà đất khi đó nhà chỉ còn cụ Giá, bà Oánh, vợ chồng ông Bắc (ông Bắc lấy vợ sau khi cụ Thính chết) và ông Khanh ở, còn ông U khi đó chưa lấy vợ đi bộ đội không ở nhà, ông Dịu và bà Tuyết đi công nhân. Sau này, cụ Giá có bán một phần đất diện tích ao khoảng hơn 200m² cho bà Đặng Thị Tâm là chị dâu của cụ Giá. Năm 1995 cụ Giá có lập văn bản chia đất cho các con cụ thể chia cho ông U, ông Khanh và ông Bắc mỗi người 229m², còn hai đầu trên có 02 ao là của cụ Giá, trong đó 1 cái ao bán cho bà Tâm còn một cái sau này cụ Giá cho bà Oánh và bà Oánh sử dụng cho đến nay. Phần của ông Khanh thì ông Khanh chuyển nhượng cho người khác. Phần đất chia cho ông U với phần đất còn lại của cụ Giá (là phần đất đang tranh chấp khoảng 60m²) giáp với bà Tâm thì không xây ranh giới riêng vì khi đó cụ Giá ở cùng với ông U và anh K. Cụ Giá sử dụng diện tích đất 60m² đang có tranh chấp đó để trồng rau ăn cho gia đình.

Sau đó thực hiện chủ trương của nhà nước anh chị em được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất mà đã được cụ Giá chia cho. Riêng 60m² đất của cụ Giá sử dụng thì cụ không kê khai xin cấp vì sau này cho anh K nên anh tự làm. Năm 2006 cụ Giá chết, phần đất của cụ Giá do ông U và anh K sử dụng và đến năm 2008 ông U và anh K cùng nhau xây dựng nhà 3 tầng (8 phòng) trên diện tích đất của cụ Giá. Theo như ông bà được biết hai bác cháu cùng làm nhà nhưng tiền chủ yếu là của ông U, anh K có đóng góp nhưng bà không rõ là đóng bao nhiêu. Mục đích xây nhà

là để cho anh K ở và sau này thờ cúng vì ông U khi đó không có vợ con. Hàng năm anh K nộp tiền thuê sử dụng đất. Hiện nay nhà và đất này cháu Khánh cùng vợ quản lý sử dụng

Trước khi chết cụ Thính không để lại di chúc, cụ Giá để lại di chúc lập ngày 01/02/ 2006 trước khi chết 10 ngày. Nội dung di chúc là để lại toàn bộ đất là 60m² của cụ Giá cho cháu Khánh. Di chúc lập tại phần đất của bà Oánh được cụ Giá cho. Khi đó có bà, ông Bắc, bà Hợi (vợ ông Bắc); cháu Hoa (con ông Bắc). Cháu Hoa là người viết di chúc theo lời của cụ Giá. Sau khi viết xong thì cháu Hoa mang đi đánh máy mang về đưa cho cụ Giá điểm chỉ, bà Oánh và ông Bắc cùng ký tên vào di chúc sau đó bà Oánh là người đi gọi ông Nguyễn Bá Trình và bà Đỗ Thị Thanh là hàng xóm sang và nhờ họ ký vào di chúc của cụ Giá. Ông Trình và bà Thanh không chứng kiến việc cụ Giá lập di chúc, khi cụ Giá và bà Oánh, ông Bắc ký xong thì mới mời họ sang để ký vào. Sau đó bà Oánh mang di chúc của cụ Giá đến nhà trưởng thôn xin chữ ký và khoảng 5, 7 ngày sau mới đóng được dấu của UBND xã. Bà Oánh cũng là người trực tiếp mang di chúc của cụ Giá ra xã đóng dấu. Sau đó bà mang đưa lại cho cụ Giá để cụ đưa lại cho cháu Khánh. Cụ Giá không biết chữ nên phải điểm chỉ.

Cụ Giá chỉ lập di chúc một bản di chúc ngày 01/02/2006 ngoài ra không còn bản di chúc nào khác và hiện nay di chúc này cháu Khánh đang quản lý.

Trong di chúc chỉ đề cập đến diện tích đất là 30m² đất nhưng trên thực tế khi đó là 60m² là do cụ Giá nghĩ đất trước sau vẫn là của gia đình, có khuôn viên không ai có thể vào tranh chấp ghi bao nhiêu mét không quan trọng.

Nay xảy ra tranh chấp, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật đảm bảo cho cháu Khánh có chỗ ở để lấy nơi thờ cúng cả dòng họ. Ngoài ra ông, bà không có yêu cầu gì khác.

Chị Nguyễn T H G trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn M K, chị hoàn toàn nhất trí với lời khai của anh K và không bổ sung thêm ý kiến gì. Nay xảy ra tranh chấp giữa ông U và anh K chị đề nghị Tòa án bác bỏ yêu cầu của ông U vì cụ Giá đã lập di chúc hợp pháp để lại diện tích đất đang có tranh chấp cho chồng chị là anh Nguyễn M K. Ngoài ra chị Giang không có yêu cầu gì khác.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là con riêng của cụ Giá và các cháu gồm: Bà Lê T L, anh Vũ X H, anh Vũ C M, anh Vũ V Q, chị Vũ T P, chị Nguyễn T L, anh Nguyễn V V trình bày:

Tất cả chúng tôi đều không có liên quan và tranh chấp gì đối với diện tích đất ông U đang có tranh chấp với anh K. Chúng tôi ở xa không có điều kiện về tham gia tố tụng được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, chúng tôi không có thắc mắc, yêu cầu gì về tranh chấp di sản thừa kế, chúng tôi mong muốn ông U và cháu Khánh hòa giải tranh chấp để giữ tình cảm gia đình.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn gồm: Bà Phạm T V, chị Nguyễn M T thống nhất trình bày:

Bà Phạm T V trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn M U, bà xác nhận toàn bộ lời khai ông U đã trình bày là đúng và không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Chị Nguyễn M T trình bày: Chị là con riêng của bà Phạm T V chị xác nhận toàn bộ lời khai ông U đã trình bày là đúng và không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại bản án sơ thẩm số 22/2019/DSST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn M U về yêu cầu hủy di chúc và tranh chấp quyền sử dụng đất.

1.1. Hủy bản di chúc ngày 02/01/2006 do cụ Nguyễn Thị Giá lập để phân chia tài sản cho anh Nguyễn M K.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn M U đối với anh Nguyễn M K về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

1.3. Giao cho ông Nguyễn M U quản lý sử dụng diện tích đất 53,9m² và toàn bộ diện tích nhà 03 tầng nằm trên đất nằm liền kề với diện tích đất 229m² thuộc thửa 47 tờ bản đồ số 23 ông U đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.4. Ông U phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh K tổng số tiền là: 515.503.510 đồng trong đó tiền giá trị nhà 229.294.510 đồng và giá trị đất: 286.209.000 đồng.

1.5. Anh K và những người có hộ khẩu hoặc đăng ký tạm trú được quyền lưu cư tại diện tích nhà 3 tầng thuộc quyền sở hữu của ông U trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc đến khi ông U thanh toán đầy đủ số tiền 515.503.510 đồng để anh K đi tìm nơi ở mới và trả lại nhà đất cho ông U quản lý sử dụng.

1.6. Ông Nguyễn M U có quyền liên hệ với cơ quan quản lý nhà đất có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích 53,9m²

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm ông Nguyễn M U – Là nguyên đơn và anh Nguyễn M K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nội dung yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để xác minh thu thập thêm tài liệu chứng cứ xác minh nguồn gốc đất tại UBND thị trấn Trâu Quỳ.

Bị đơn giữ nguyên lời khai như đã trình bày tại Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật;

- Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ;

- Về nội dung: Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của nguyên đơn, bị đơn nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo nên hợp lệ.

- Nguyên đơn ông Nguyễn M U khởi kiện yêu cầu anh K trả lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất và yêu cầu hủy di chúc, tuy nhiên Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy di chúc là chưa đầy đủ, nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu hủy di chúc.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ huyết thống: cụ Nguyễn Mậu Thính (chết năm 1975) có hai vợ: bà cả Nguyễn Thị Còm (không rõ chết năm nào), cụ Thính và cụ Còm có hai con chung, trong đó 1 người đã chết khi còn bé và ông Nguyễn M U; Sau khi cụ Còm chết cụ Thính chung sống với cụ Nguyễn Thị Giá và sinh được 02 người con là bà Nguyễn T O và ông Nguyễn Mậu Khanh. Cụ Giá trước khi lấy cụ Thính có 03 con riêng là ông Nguyễn Văn Dịu; bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Nguyễn V B. Ông Dịu hiện đã chết năm 2013 có vợ là bà Lê T L và con là Vũ X H và Vũ C M, bà Nguyễn Thị Tuyết đã chết năm 1974 không có chồng con. Anh Nguyễn M K là con trai của ông Nguyễn Mậu Khanh.

- Xét nguồn gốc quá trình sử dụng thửa đất đang có tranh chấp:

Căn cứ vào các tài liệu có trong vụ án thể hiện:

Cụ ông Nguyễn Văn Huống và cụ bà Lê Thị Xương (đều đã chết từ lâu) là bố mẹ đẻ của cụ Nguyễn Thị Giá. Nguồn gốc đất thổ cư của cụ Giá là của cụ Huống, cụ Xương để lại có diện tích 1247m² tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 23.

Trước đây cụ Thính và cụ Còm sống trên thửa đất số 61B, tờ bản đồ số 24 cách đất của bà Giá khoảng 250m. Sau khi cụ Còm chết cụ Thính lấy cụ Giá và ở cùng cụ Giá trên đất của cụ Giá.

Về quá trình biến động thửa đất, theo hồ sơ địa chính của UBND thị trấn Trâu Quỳ:

- Theo tờ bản đồ đo vẽ năm 1983: là thửa đất số 82, tờ bản đồ thôn Cửu Việt, diện tích 1128m² do không có sổ kèm theo nên không xác định được chủ sử dụng đất.

- Theo tờ bản đồ đo vẽ năm 1985-1986 và sổ lập kèm theo: thửa đất gồm các thửa: thửa số 82a, tờ bản đồ thôn Cửu Việt, diện tích 275m², đăng ký tên Nguyễn Thị Giá; thửa đất số 82b, diện tích 339m², đăng ký tên bà Nguyễn Văn Khánh (Giá), thửa số 83a, diện tích 455m² đăng ký tên bà Nguyễn Văn Yên (Giá), thửa số 83b, diện tích 455m², đăng ký tên bà Nguyễn V B (Giá); một phần thửa đất số 76b, diện tích 574m², đăng ký tên Hoàng Văn Quý.

- Theo tờ bản đồ đo vẽ năm 1993-1994: Thửa đất là thửa số 47, tờ bản đồ số 23, diện tích 1247m².

Ngày 01/1/1995 cụ Nguyễn Thị Giá có biên bản chia đất cho các con, biên bản được ông Nguyễn Bá Ngà là địa chính thời điểm năm 1995 và UBND xã Trâu Quỳ xác nhận.

Theo quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường Dốc Hội – Đại học Nông nghiệp, được UBND thành phố phê duyệt diện tích đất đang có tranh chấp được quy hoạch là đất ở hiện có.

- Hiện nay thửa đất số 47, tờ bản đồ số 23 đã được tách làm 10 thửa cụ thể như sau:

- + Thửa số 47(1), diện tích 76m², đã cấp GCNQSDĐ cho bà Đặng Thị Tâm.

- + Thửa số 47(2), diện tích 229m², đã cấp GCNQSDĐ cho bà Hoàng Thị Khuyên, ông Nguyễn Hồng Quân.

- + Thửa số 47(3), diện tích 251m² cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Hữu Hậu, bà Nguyễn T O.

- + Thửa số 47(4), diện tích 67m², cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn V B, bà Lê Thị Lợi.

- + Thửa số 47(5), diện tích 64m² cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Hoa.

- + Thửa số 47(6), diện tích 128m² cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn V B, bà Lê Thị Lợi.

- + Thửa số 47(7), diện tích 76m² cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Kim Phàn, bà Đặng Thị Bích Liên.

- + Thửa số 47(8), diện tích 79,8m² cấp GCNQSDĐ cho ông Hoàng Đình Ngà và bà Nguyễn thị Hương.

- + Thửa đất số 47b, diện tích 229m² cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn M U.

- + Một phần thửa đất nằm ở phía Đông Bắc thửa đất giáp với thửa đất số 16 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có lối vào. Theo kết quả đo đạc hiện trạng, thửa đất có diện tích 53,9m².

Như vậy, theo các tài liệu do UBND huyện Gia Lâm, UBND thị trấn Trâu Quỳ cung cấp thì diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông Nguyễn M U và anh Nguyễn M K có nguồn gốc là đất thổ cư của cụ Nguyễn Thị Giá. Sau khi cụ Giá chia đất cho các con, còn lại một phần của thửa đất là phần tiếp giáp với phần diện tích ao đã bán cho bà Đặng Thị Tâm và phần đất thổ cư đã chia cho ông Nguyễn M U. Hiện nay toàn bộ thửa đất đang có tranh chấp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh Nguyễn M K là người quản lý, sử dụng và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đất cho nhà nước.

Khi còn sống cụ Giá sinh sống trên phần diện tích đất này cùng ông U và anh K. Đến năm 2008, ông U và anh K cùng làm nhà trên diện tích đất này và một phần 13,2m² diện tích mà ông U đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sinh sống xảy ra mâu thuẫn, hiện nay ông U khởi kiện anh K yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Hủy bản di chúc đề ngày 02/01/2006 của cụ Nguyễn Thị Giá. Buộc anh K trả lại ông diện tích đất 53,9 m² và ngôi nhà nằm trên đất hiện gia đình anh K đã chiếm dụng trái phép của ông từ ngày 07/7/2015 cho đến nay.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Đối với yêu cầu hủy bản di chúc đề ngày 02/1/2006.

Bản di chúc có nội dung cụ Giá để lại diện tích khoảng 30m² có vị trí giáp với 04 nhà là bà Năm, anh Quý, anh Ngà và anh Uyên cho cháu nội là Nguyễn M K. Bản di chúc có dấu điểm chỉ (nhưng không ghi rõ ngón tay điểm chỉ) có chữ ký của ông Nguyễn Bá Trình, bà Đỗ Thị Thanh, bà Nguyễn T O, ông Nguyễn V B, ông Nguyễn Đình Long, là tổ trưởng tổ dân phố Cửu Việt và xác nhận của UBND thị trấn Trâu Quỳ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn T O khẳng định có việc cụ Giá lập bản di chúc để lại thửa đất cho anh K, tuy nhiên bà Oánh cũng thừa nhận con ông Bắc là người đi đánh máy, cụ Giá điểm chỉ, khi đó chỉ có bà và ông Bắc ký, sau đó mới mời ông Trình, bà Thanh, ông Long sang nhờ ký vào và bà mang lên UBND xã xác nhận đóng dấu. Những người làm chứng trong di chúc đều có lời khai thể hiện họ không nhớ rõ việc lập di chúc, không biết ai là người viết di chúc, chỉ được bà Oánh gọi sang nhờ ký vào di chúc nên ký vào cũng không chứng kiến việc cụ Giá lập di chúc. Xác nhận của UBND thị trấn Trâu Quỳ cũng thể hiện xác nhận ông Long là tổ trưởng tổ dân phố chứ không phải cụ Giá lập di chúc tại UBND thị trấn Trâu Quỳ.

Phần điểm chỉ vào bản di chúc có ghi người lập di chúc điểm chỉ - Nguyễn Thị Giá nhưng không ghi rõ ngón tay điểm chỉ là ngón tay nào.

Về nội dung của bản di chúc: Bản di chúc có nội dung để lại 30m² đất, số đất này thuộc quyền sở hữu của tôi, tuy chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn nằm thuộc địa giới của gia đình tôi cho cháu nội là Nguyễn M K. Tuy nhiên bản di chúc không có sơ đồ kỹ thuật thửa đất, không xác định cụ thể diện tích,

vị trí, kích thước thửa đất mà chỉ thể hiện diện tích 30m². Theo kết quả đo đạc hiện trạng thì thửa đất có diện tích 53,9m². Từ những phân tích trên, bản di chúc đề ngày 02/1/2006 không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2005 về nội dung và hình thức vì vậy không có giá trị pháp lý.

Nay ông U khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy bỏ bản di chúc, xét thấy ông U có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến bản di chúc, bản di chúc trên không phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông U là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu buộc anh K trả lại ông U diện tích đất 53,9 m² và ngôi nhà nằm trên đất:

Theo lời khai của ông U phần diện tích đất đang có tranh chấp không phải là đất của cụ Giá để lại mà đây là diện tích đất kẹt trước đây là ao của công, xung quanh các nhà khác không sử dụng vì không có đường đi vào chỉ có phần đất của ông sát với phần ao đó và ông đã san lấp tôn tạo từ năm 1996, sau khi lấp ao ông sử dụng trồng rau và chăn nuôi lợn. Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung cùng các tài liệu chứng cứ mà cơ quan có thẩm quyền cung cấp, phần diện tích đất trên không phải là đất xen kẹt, đất công mà là đất thổ cư của cụ Nguyễn Thị Giá để lại.

Theo tờ bản đồ đo vẽ năm 1993-1994, thửa đất của cụ Giá là thửa đất 47, tờ bản đồ số 23 có tổng diện tích là 1.247m², trong đó bao gồm phần diện tích hiện nay đang có tranh chấp. Sau khi chia cho các con và bán 1 phần cho bà Tâm, hiện nay các thửa đất đã được tách thửa, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa 47(1), 47(2), 47(3), 47(4), 47(5), 47(6), 47(7), 47(8), 47b với tổng diện tích các thửa là 1.199,8m² và một phần diện tích chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đo đạc hiện trạng là 53,9m². Như vậy tổng diện tích các thửa đất trên và phần diện tích chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang có tranh chấp là 1.253,7m², phù hợp với diện tích thửa đất của cụ Giá theo tờ bản đồ đo vẽ năm 1993-1994.

Ông U cho rằng diện tích đất đang có tranh chấp là do ông tôn tạo, tuy nhiên quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm ông U có lời khai thể hiện ông phục vụ trong quân ngũ đến năm 1996 mới trở về địa phương, mà diện tích đất đang có tranh chấp đã đứng tên cụ Giá trong các tờ bản đồ đo đạc năm 1985 -1986 và tờ bản đồ đo đạc năm 1993-1994, nên không có căn cứ xác định diện tích đất đang có tranh chấp là đất xen kẹt do ông U tôn tạo.

Các tài liệu do UBND cấp có thẩm quyền cung cấp phù hợp với lời khai của phía bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên đủ căn cứ xác định phần diện tích đất trên không phải là đất xen kẹt mà là đất thổ cư của cụ Giá chưa phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp trên không phải là đất của cụ Giá mà là diện tích do ông U, anh K

cùng cụ Giá tôn tạo khi còn sống và chia trả ông U 1/3 diện tích đất, chia cho ông U bằng hiện vật là quyền sử dụng đất là không có căn cứ và không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ông U khởi kiện yêu cầu đòi lại quyền sử dụng diện tích 53,9m² và ngôi nhà trên diện tích trên tuy nhiên không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh quyền sở hữu đối với phần diện tích đất đó, cũng không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện phần diện tích đất trên là diện tích đất do ông U tôn tạo trong quá trình sử dụng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông U. Đối với ngôi nhà trên đất, theo lời khai của ông U, ông là người xây dựng ngôi nhà, anh K không có đóng góp gì, chỉ có công sức, còn anh K cho rằng ngôi nhà là do anh và ông U cùng xây dựng, anh có đóng góp cả tiền bạc và công sức, tuy nhiên ngôi nhà được xây dựng trên diện tích đất chưa chia thừa kế theo quy định của pháp luật, các bên đương sự đều thừa nhận ngôi nhà 03 tầng xây dựng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng. Phía nguyên đơn không có yêu cầu chia thừa kế, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập chia di sản thừa kế của cụ Giá, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vì vậy đối với tài sản trên đất sẽ được giải quyết khi các đương sự có yêu cầu chia di sản thừa kế.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông U về việc buộc anh K trả lại diện tích đất 53,9m².

- Quá trình giải quyết vụ án, ông U xin rút yêu cầu buộc anh K bồi thường thiệt hại là tiền mất thu nhập do không cho thuê phòng từ năm 2015 đến nay là 216.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông U xin rút yêu cầu khởi kiện này nên đình chỉ đối với phần yêu cầu này của ông U.

- Anh K kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét số tiền ông U cho sinh viên thuê nhà từ tháng 12/2008 đến tháng 7/2015 là 553.000.000 đồng, tuy nhiên tại cấp sơ thẩm anh K không có yêu cầu phản tố, cũng không xuất trình được tài liệu gì, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên ông U là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Anh K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 148, Khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 650, 651, 652, 653, 654, 656, 658 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 161 Bộ luật dân sự 2015.
- Điều 95, điều 203 Luật đất đai năm 2013.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

* Xử: sửa bản án dân sự sơ thẩm 22/2019/DSST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M U đối với anh Nguyễn M K:

1.1. Hủy bản di chúc ngày 02/01/2006 do cụ Nguyễn Thị Giá lập phân chia tài sản cho anh Nguyễn M K.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M U đối với anh Nguyễn M K về việc đòi quyền sử dụng diện tích đất 53,9m².

1.3. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn M U buộc anh K bồi thường thiệt hại là tiền mất thu nhập do không cho thuê phòng từ năm 2015 đến nay là 216.000.000 đồng

3. Về án phí:

Ông Nguyễn M U là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn M U số tiền: 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 2571 ngày 20/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

Anh Nguyễn M K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả ông Nguyễn M U 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004698 ngày 09/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Hoàn trả anh Nguyễn M K 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004699 ngày 09/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Mạnh Cẩm Yến